

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ LIÊN BANG THỤY SĨ
NGÀY 3 THÁNG 7 NĂM 1992
VỀ VIỆC KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẤN NHAU

TIỀN ĐỀ

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ;

Với lòng mong muốn tăng cường hợp tác kinh tế cùng có lợi của hai nước;

Nhằm tạo ra và duy trì những điều kiện thuận lợi cho đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết tiến hành trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Nhận thấy sự cần thiết phải khuyến khích và bảo hộ đầu tư nước ngoài để thúc đẩy sự phồn vinh về kinh tế của hai Nhà nước;

Thoả thuận các điều khoản sau đây:

Điều 1

Các định nghĩa

Theo nghĩa của Hiệp định này:

1. Đối với mỗi Bên ký kết, thuật ngữ "Nhà đầu tư" chỉ:

a. Các cá nhân được coi là công dân của một Bên ký kết theo pháp luật của Nước đó.

b. Các thực thể pháp lý, gồm các công ty, các công ty được đăng ký, các hội kinh doanh hoặc các tổ chức khác được thành lập hoặc được tổ chức theo pháp luật của một Bên ký kết và có trụ sở cùng với các hoạt động kinh tế thực sự trên lãnh thổ của Nước đó.

c. Các thực thể pháp lý được thành lập theo pháp luật của một nước nào đó và chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của các công dân của một Bên ký kết hoặc của các thực thể pháp lý có trụ sở, cùng với các hoạt động kinh tế thực sự trên lãnh thổ của Nước đó.

2. Thuật ngữ "Đầu tư" bao gồm tất cả các loại tài sản và đặc biệt là:

a. Quyền sở hữu động sản và bất động sản, cũng như các quyền khác như địa dịch, quyền thế chấp điền thổ, cầm cố động sản và bất động sản.

b. Các cổ phần, phần góp vốn và các hình thể tham gia khác vào công ty.

c. Các trái vụ và các quyền khác có giá trị kinh tế.

d. Các quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp (như bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu kỹ nghệ hoặc thương mại, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, chỉ dẫn xuất xứ), bí quyết kỹ thuật và thương mại và đặc quyền kế nghiệp.

e. Các tô nhượng bao gồm tô nhượng về nghiên cứu, thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên cũng như các quyền khác theo luật pháp, hợp đồng hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với luật.

3. Thuật ngữ "Lãnh thổ" bao gồm đất liền và vùng trời tương ứng của Việt Nam và Thụy Sĩ cũng như các hải đảo, vùng biển tại đó nước tương ứng thực hiện chủ quyền hoặc quyền tài phán của mình theo luật pháp quốc tế.

Điều 2

Chấp thuận và bảo hộ

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích, trong chừng mực có thể, việc đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia trên lãnh thổ của mình, và sẽ chấp thuận việc đầu tư này theo các luật và quy định của Nước mình.

2. Khi một Bên ký kết chấp thuận việc đầu tư trên lãnh thổ Nước mình thì sẽ cấp các giấy phép cần thiết liên quan đến việc đầu tư này và đến việc thực hiện các hợp đồng lixăng và các hợp đồng trợ giúp kỹ thuật, thương mại hoặc quản lý. Mỗi Bên ký kết sẽ cố gắng cung cấp khi cần thiết các giấy phép cần thiết có liên quan tới những hoạt động của các cổ vấn hoặc các cá nhân khác được coi là có quốc tịch nước ngoài.

Điều 3

Bảo hộ, đối xử

1. Mỗi Bên ký kết sẽ bảo hộ đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia thực hiện trên lãnh thổ Nước mình phù hợp với các đạo luật và các quy định của Nước mình và bảo đảm một sự đối xử đúng đắn và công bằng đối với những đầu tư đó.

2. Không một Bên ký kết nào có thể thực hiện một sự đối xử trên lãnh thổ của mình đối với những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia kém ưu đãi hơn so với sự đối xử dành cho những đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba.

Những xí nghiệp liên doanh có sự tham gia của các nhà đầu tư của hai Bên ký kết sẽ được hưởng những điều kiện không kém thuận lợi hơn những xí nghiệp liên doanh có sự tham gia của các nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba.

3. Sự đối xử tối huệ quốc sẽ không bao hàm các ưu đãi mà một Bên ký kết dành cho các nhà đầu tư của một nước thứ ba do việc nước này tham gia hay liên kết vào một khu vực tự do thương mại, một liên minh thuế quan hay một thị trường chung.

4. Không phương hại đến luật pháp của mình về đầu tư nước ngoài có hiệu lực lúc vụ đầu tư được thực hiện và những điều kiện đầu tư theo luật pháp đó, mỗi Bên ký kết sẽ không áp dụng những biện pháp có tính chất phân biệt đối xử đối với những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia cũng như đối với các xí nghiệp liên doanh có sự tham gia của các nhà đầu tư của hai Bên ký kết. Đặc biệt những biện pháp đó được hiểu là những hạn chế không thể biện minh hoặc những cản trở liên quan đến việc tiếp cận các tư liệu sản xuất hoặc việc mua bán, chuyên chở, thương mại hoá sản phẩm và dịch vụ.

Điều 4

Tự do chuyển

1. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia đã tiến hành đầu tư trên lãnh thổ Nước mình, quyền tự do chuyển các khoản trả tiền liên quan đến đầu tư, đặc biệt là:

- a. Lãi tiền vay, lãi cổ phần, lợi tức và các khoản thu nhập thông thường khác.
- b. Các khoản tiền trả các khoản vay nợ.
- c. Các khoản dùng để trang trải các chi phí liên quan đến việc quản lý đầu tư.
- d. Các khoản tiền trả định kỳ và các khoản trả tiền khác bắt nguồn từ những quyền nêu ở Điều 1, phần 2, các điểm c, d và e của Hiệp định này.
- e. Các khoản góp vốn bổ sung cần thiết cho việc duy trì hoặc phát triển đầu tư.
- f. Thu nhập cá nhân.
- g. Tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý một phần hay toàn bộ vụ đầu tư, bao gồm cả phần giá trị tăng thêm.

2. Trừ trường hợp nhà đầu tư và Bên ký kết liên quan có quyết định khác, các khoản chuyển sẽ được thực hiện theo tỷ giá hối đoái áp dụng vào thời điểm chuyển theo luật pháp có hiệu lực lúc đó về hối đoái của Bên ký kết nơi đầu tư được thực hiện.

3. Những điều khoản của điểm này không ngăn trở các Bên ký kết áp dụng luật pháp của mình về mặt thuế khoá

Điều 5

Tước quyền sở hữu, bồi thường

1. Không một Bên ký kết nào được tiến hành các biện pháp trực tiếp hay gián tiếp tước quyền sở hữu, quốc hữu hoá hoặc các biện pháp cùng tính chất hay có những tác động tương tự đối với việc đầu tư do các nhà đầu tư của Bên kia, trừ khi các biện pháp đó được tiến hành vì lý do lợi ích công, trên cơ sở không phân biệt đối xử và theo những quy định của pháp luật, và được trả bằng một khoản bồi thường thực sự và thích đáng. Tổng số tiền bồi thường, kể cả lãi, sẽ được thanh toán bằng tiền của nước xuất xứ đầu tư, và sẽ được trả không chậm trễ cho người được hưởng quyền lợi không phụ thuộc vào nơi cư trú hay trụ sở của người ấy.

2. Các nhà đầu tư của một Bên ký kết, nếu bị thiệt hại trong khi đầu tư vì lý do chiến tranh, hoặc các cuộc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp hay nổi dậy diễn ra ở lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì sẽ được hưởng một sự đối xử từ phía Bên ký kết kia theo Điều 3, phần 2 của Hiệp định này. Trong mọi trường hợp, họ sẽ được bồi thường.

Điều 6

Đầu tư trước khi có Hiệp định

Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với những đầu tư tiến hành trên lãnh thổ của một Bên ký kết phù hợp với các đạo luật và quy định của Bên ký kết đó do các nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 7

Các điều khoản thuận lợi hơn

Mặc dù có những điều kiện đã nêu ở trong Hiệp định này, những điều kiện thuận lợi hơn đã được hoặc có thể sẽ được một trong các Bên ký kết thoả thuận với các nhà đầu tư của Bên kia cũng sẽ được áp dụng.

Điều 8

Thế quyền

Trong trường hợp mà một trong các Bên ký kết có đảm bảo tài chính đối với những rủi ro phi thương mại đối với việc đầu tư của một nhà đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận các quyền của Bên ký kết này theo nguyên tắc thế quyền đối với các quyền của nhà đầu tư đó nếu việc trả tiền được tiến hành theo sự bảo đảm ấy của Bên ký kết này.

Điều 9

Tranh chấp giữa một Bên ký kết với nhà đầu tư của Bên ký kết kia

1. Mọi tranh chấp có liên quan đến đầu tư của một Bên ký kết và một nhà đầu tư của Bên ký kết kia sẽ được giải quyết, trong điều kiện có thể và không phương hại đến Điều 10 của Hiệp định này (tranh chấp giữa các Bên ký kết), một cách thân thiện giữa các bên tranh chấp. Để thực hiện điều nói trên, các cuộc tham khảo ý kiến sẽ được tiến hành giữa các bên hữu quan.

2. Nếu những cuộc tham khảo ý kiến không đạt được giải pháp, trong vòng sáu tháng, kể từ khi vụ tranh chấp được nêu lên, theo yêu cầu của nhà đầu tư, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết.

a. Hoặc tại cơ quan Trọng tài kinh tế của nước nhận đầu tư.

b. Hoặc tại một Tòa án Trọng tài đặc biệt. Tòa án đặc biệt đó sẽ được thiết lập như sau:

i) Tòa án Trọng tài sẽ được lập ra trong từng trường hợp riêng biệt. Trừ trường hợp các bên tranh chấp có quyết định khác, mỗi bên sẽ cử một trọng tài viên và hai trọng tài viên đó sẽ cử một Chủ tịch, người này phải là công dân của nước thứ ba. Những trọng tài viên phải được đề cử trong vòng hai tháng kể từ khi tiếp nhận yêu cầu đưa vụ tranh chấp cho trọng tài phân xử và việc cử Chủ tịch phải được thực hiện trong hai tháng tiếp theo.

ii) Nếu thời hạn được quy định theo điểm 1 của Điều này không được tôn trọng, mỗi bên tranh chấp có thể trong trường hợp không đạt được thoả thuận, yêu cầu Chủ tịch Tòa án Trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế Stockholm tiến hành những chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch bị cản trở thực hiện nhiệm vụ nói trên hoặc là công dân của một trong các Bên ký kết thì những điều khoản của đoạn 5 Điều 10 của Hiệp định này sẽ được áp dụng mutatis mutandis.

iii) Trừ trường hợp các bên có quyết định khác, Tòa án tự định ra thủ tục của mình theo những quy định thủ tục tố tụng trọng tài của Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (ONUDCI). Tòa án biểu quyết theo đa số. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, bắt buộc. Mỗi Bên ký kết chấp nhận và bảo đảm việc thi hành phán quyết của Tòa án Trọng tài.

iv) Tòa án quyết định trong phán quyết của mình việc phân định chi phí trọng tài giữa các bên. Trừ trường hợp Tòa án có quyết định khác, mỗi bên tranh chấp chịu chi phí cho trọng tài viên của mình và sự đại diện của mình trong thủ tục tố tụng, chi phí cho Chủ tịch và những chi phí còn lại do hai bên cùng chịu bằng nhau.

3. Khi hai Bên ký kết đều tham gia Công ước ngày 18 tháng 3 năm 1965 về giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa các quốc gia và công dân của quốc gia khác thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra, theo yêu cầu của nhà đầu tư, Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư (C .I.R.D.I.) thay vì thủ tục được nói ở đoạn 2 của Điều này.

4. Quốc gia ký kết là một bên của vụ tranh chấp thì không thể, bất cứ vào lúc nào trong quá trình thực hiện thủ tục nói ở đoạn 2 và 3 của Điều này hoặc trong khi thực hiện sự phán quyết về vụ tranh chấp, viện cớ là nhà đầu tư đã được nhận, theo một hợp đồng bảo hiểm, một sự bồi thường về toàn bộ hoặc một phần sự thiệt hại đã xảy ra.

5. Không một quốc gia ký kết nào sẽ kiện bằng đường ngoại giao về một vụ tranh chấp đã đưa ra trọng tài phân xử, trừ trường hợp quốc gia ký kết kia không tuân thủ sự phán quyết của Tòa án Trọng tài.

Điều 10

Tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Những tranh chấp giữa các Bên ký kết về việc giải thích hoặc áp dụng các điều khoản của Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

2. Nếu hai Bên ký kết không đi đến một giải pháp sau mười hai tháng kể từ khi phát sinh vụ tranh chấp thì tranh chấp này sẽ được đệ trình theo yêu cầu bằng đơn của một trong các Bên ký kết ra Tòa án Trọng tài. Tòa án Trọng tài gồm ba thành viên. Mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên vào Tòa án Trọng tài và hai thành viên đó sẽ chỉ định một Chủ tịch là công dân của nước thứ ba.

3. Nếu một Bên ký kết không chỉ định được trọng tài viên của mình và không trả lời yêu cầu của Bên kia về việc chỉ định trọng tài viên trong hai tháng thì trọng tài viên này sẽ được chỉ định, theo yêu cầu bằng đơn của Bên ký kết kia, bởi ông Chủ tịch Tòa án quốc tế.

4. Nếu hai trọng tài viên không thể thoả thuận về việc chọn Chủ tịch sau hai tháng kể từ khi họ được chỉ định thì Chủ tịch sẽ được chỉ định, theo yêu cầu bằng đơn của một trong các Bên ký kết, bởi ông Chủ tịch Tòa án quốc tế.

5. Trong các trường hợp nêu ở đoạn 3 và 4 của Điều khoản này, nếu Chủ tịch Tòa án quốc tế bị cản trở trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình hoặc là công dân của một trong các Bên ký kết thì việc chỉ định sẽ do ông Phó Chủ tịch, và nếu ông Phó Chủ tịch này bị cản trở hoặc là công dân của một Bên ký kết thì thành viên lâu năm nhất của Tòa án mà không phải là công dân của bất kỳ Bên ký kết nào sẽ thực hiện việc chỉ định.

6. Nếu các Bên ký kết không có quy định nào khác, Tòa án sẽ quy định thủ tục tố tụng của mình.

7. Các quyết định của Tòa án là cuối cùng và có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với các Bên ký kết.

8. Trừ trường hợp Tòa án có quyết định khác, mỗi Bên ký kết chịu chi phí cho trọng tài viên của mình và sự đại diện của mình trong thủ tục tố tụng, chi phí cho Chủ tịch và các chi phí còn lại do hai Bên cùng chịu bằng nhau.

Điều 11

Tôn trọng cam kết

Mỗi Bên ký kết sẽ luôn bảo đảm tôn trọng cam kết của mình đối với việc đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia.

Điều 12

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày hai Chính phủ thông báo cho nhau bằng văn bản đã hoàn thành các yêu cầu pháp lý để các Hiệp định quốc tế được ký kết và có hiệu lực; Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian 10 năm. Nếu một Bên ký kết không thông báo cho nhau bằng văn bản về việc kết thúc Hiệp định 6 tháng trước khi Hiệp định hết hạn thì Hiệp định sẽ coi như là gia hạn cùng các điều kiện tương tự trong thời gian hai năm và cứ tiếp tục như vậy.

2. Trong trường hợp có thông báo chính thức kết thúc Hiệp định, các điều khoản từ Điều 1 đến 11 của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn 10 năm đối với những đầu tư được tiến hành trước khi có thông báo chính thức về việc kết thúc Hiệp định.

Làm tại Bem, ngày 3 tháng 7 năm 1992, bằng bốn bản chính, hai bản bằng tiếng Việt và hai bản bằng tiếng Pháp, các bản có giá trị như nhau.